**TIẾNG VIỆT**

**(Tiết 3)**

**LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**TỪ TRÁI NGHĨA. CÂU KHIẾN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

**-** Nhận biết được từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau và tìm được từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau dựa vào gợi ý.Đặt câu khiến phù hợp tình huống.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, viết bài đúng, kịp thời và hoàn thành các nội dung trong SGK.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tham gia làm việc nhóm trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua quan sát và tìm hiểu các hình ảnh trong bài.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý và tôn trọng bạn trong làm việc nhóm.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ viết bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point, phiếu bài tập, bảng nhóm…

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  - Cách tiến hành: | |
| - GV khởi động bài học qua bài hát: Cả nhà thương nhau.  - Trong bài hát có câu hát: “Xa là nhớ, gần nhau là cười”. Có từ nào chỉ đặc điểm?  - GV nhận xét, tuyên dương.  => Giáo viên dẫn dắt vào bài mới: Từ trái nghĩa. Câu khiến. | - HS lắng nghe và hát.  - HS trả lời: xa- gần.  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá***.* | |
| **Hoạt động 1: Tìm những từ có nghĩa trái ngược nhau** (làm việc cá nhân, nhóm 2)  **a. Mục tiêu:** Nhận biết từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau.  **b. Cách thức tiến hành:**  GV chuẩn bị các thẻ từ để tổ chức HĐ học tập tìm từ có nghĩa trái ngược nhau.  - GV mời cầu HS đọc đề bài 1.  *Tìm trong những từ dưới đây các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau.*    - Yêu cầu của bài 1 là gì?  - Dán từ ***“vui”*** lên bảng, yêu cầu HS tìm từ có nghĩa trái ngược với từ ***“vui”.***  - Mời 2 em lên thể hiện nét mặt vui và buồn.  - Giao nhiệm vụ cho HS làm vào vở BT, trao đổi kết quả nhóm 2. Mời 2 cặp lên tìm từ và gắn các thẻ hoa trên bảng có nghĩa trái ngược nhau.  - Mời đại diện 2 nhóm trình bày.  - Mời HS dưới lớp nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, chốt đáp án: ***đẹp – xấu, nóng – lạnh, lớn – bé.***  - GV kết luận: Đây là những cặp từ có nghĩa trái ngược nhau còn được gọi là từ trái nghĩa.  - Vậy em hiểu thế nào là từ trái nghĩa?  - Mời 1,2 em nhắc lại.  - GV hỏi HS: *Các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau các em vừa tìm ở bài tập 1 là từ chỉ sự vật, hoạt động hay đặc điểm?*.  - Giáo viên tuyên dương, nhận xét.  **Hoạt động 2: Tìm từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau** (làm việc nhóm 6)  **a. Mục tiêu:** Tìm được những từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau dựa vào gợi ý.  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 2: *Tìm thêm 3 – 5 cặp từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau.*  - Yêu cầu HS quan sát tranh và cho biết nội dung tranh gợi nhớ tới câu chuyện nào?    - Dựa vào đặc điểm của Rùa và Thỏ cho biết: Rùa chạy như thế nào? Thỏ chạy ra sao?  - Tìm cặp từ có nghĩa trái ngược nhau dựa vào đặc điểm của Rùa và Thỏ?  - GV giải thích: *Hai từ* ***nhanh - chậm*** *gắn với câu chuyện về cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ.*  - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm 6, tìm từ ngữ viết vào thẻ đính lên bảng nhóm.  - Mời đại diện các nhóm trình bày kết quả.  - Mời HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung.  -Yêu cầu HS đặt câu với một cặp từ vừa tìm được.  - Yêu cầu HS nhắc lại thế nào là từ trái nghĩa?  **Hoạt động 3: Đặt câu khiến** (làm việc nhóm)  **a. Mục tiêu:** Đặt được câu khiến phù hợp tình huống.  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài 3: *Đọc lại câu chuyện* ***Đi tìm mặt trời****, đặt câu khiến trong tình huống sau:*  *a. Đóng vai gõ kiến đến nhờ công, liếu điếu hoặc chích chòe đi tìm mặt trời.*  *b. Đóng vai gà trống, nói lời đề nghị mặt trời chiếu ánh sáng cho khu rừng tối tăm, ẩm ướt.*  - Bài 3 có mấy yêu cầu?  - GV mời 1 HS đọc, cả lớp nhìn vào sách đọc thầm theo: *Đọc lại câu chuyện* ***Đi tìm mặt trời***  - GV yêu cầu HS nhắc lại: Câu khiến được sủa dụng để làm gì?  - GV giao nhiệm vụ làm việc theo nhóm, HS thực hiện đóng vai thành gõ kiến, gà trống để đặt câu khiến theo tình huống trong bài.  - GV mời 2 nhóm trình bày.  - GV yêu cầu các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương, chốt một vài đáp án:  **a. *Đóng vai gõ kiến đến nhờ công, liếu điếu hoặc chích choè đi tìm mặt trời.***  VD: *Công ơi, công đi tìm mặt trời giúp cư dân trong cánh rừng của chúng ta nhé./ Công ơi, hãy tìm mặt trời cứu cư dân trong rừng nhé./ Công hãy tìm mặt trời chiếu ánh sáng cho khu rừng của chúng ta nhé./,...*  **b. *Đóng vai gà trống, nói lời đề nghị mặt trời chiếu ánh sáng cho khu rừng tối tăm, ẩm ướt.***  VD: *Thưa mặt trời, mong ông hãy chiếu ánh sáng cho khu rừng tối tăm, ẩm ướt, cứu giúp muôn loài./,...*  - GV chốt lại nội dung cần nhớ trong bài học và yêu cầu HS nhắc lại (từ có nghĩa trái ngược nhau và câu khiến nêu yêu cầu, đề nghị).  - GV khen ngợi các cá nhân hoặc nhóm làm đúng, làm việc tích cực | - 1 HS đọc đề bài 1.  - HS trả lời.  - HS tìm và trả lời : *“buồn”*  -2 HS lên thể hiện. Cả lớp quan sát, nhận xét.  - HS làm việc cá nhân, trao đổi nhóm 2. 2 cặp lên bảng tìm từ và gắn lên bảng.  - Đại diện nhóm trình bày.  - HS nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời: Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau.  - HS nhắc lại.  - HS trả lời: *Đều là các từ chỉ đặc điểm.*  - HS lắng nghe.  - 1 HS đọc đề bài tập 2.  - HS trả lời: Câu chuyện Rùa và Thỏ.  - HS trình bày.  - HS trả lời: *nhanh- chậm*  - HS lắng nghe  -HS thảo luận nhóm 6, tìm từ ngữ.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả.  - HS nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe.  - HS đặt câu.  - HS nhắc lại.  - HS đọc yêu đề bài tập 3.  - 2 yêu cầu: Đọc lại câu chuyện Đi tìm mặt trời và Đặt câu khiến trong mỗi tình huống.  - 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm theo.  - HS trả lời.  - Các nhóm làm việc theo yêu cầu.  - Các nhóm trình bày kết quả trước lớp.  - Các nhóm nhận xét.  - HS theo dõi  - HS lắng nghe, ghi nhớ kiến thức và nhắc lại.  - HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  + Phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức chơi trò chơi: “***Gắp thú gọi tên”***  - GV nêu luật chơi và cho học sinh tham gia.  - GV nhận xét tuyên dương.  - Nhận xét, đánh giá tiết dạy. | - HS lắng nghe và tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | |